



Mã số: 260505/0729:1/QTMT/REC

Tp. HCM, ngày 13 tháng 05 năm 2026

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu: CN LIÊN HIỆP HTX TM TP HCM – COOP MART GÒ CÔNG
- Địa chỉ: Đường Trần Công Tường, KP 11, phường Gò Công, tỉnh Đồng Tháp
- Tên mẫu: Nước thải. Số lượng: 01 mẫu.

STT	MÃ SỐ MẪU	KÝ HIỆU/VỊ TRÍ LẤY MẪU
1	NT5.260505	0505/NT/U-COM-GC/1: Sau HTXL nước thải (Tọa độ: X = 1145157; Y = 600855)

4. Ngày lấy mẫu: 05/05/2026

5. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 14:2008/BTNMT Cột A
				NT5.260505	
1	pH ^{(a)(b)}	--	TCVN 6492:2011	6,68	5 - 9
2	BOD ₅ ^(a)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	6	30
3	TSS ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	20,3	50
4	Dầu mỡ ĐTV ^(a)	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2023	< 3,0	10
5	TDS ^{(a)(b)}	mg/L	PPNB01/HDHT/REC	491	500
6	S ²⁻ ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	KPH (MDL=0,05)	1
7	P_PO ₄ ³⁻ ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-PO ₄ ³⁻ .E:2023	4,99	6
8	N_NO ₃ ⁻ ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	19,7	30
9	N_NH ₄ ⁺ ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023	4,62	5
10	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	SMEWW 5540.B&C:2023	KPH (MDL=0,06)	5
11	Coliform ^(c)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	KPH (MDL=1,8)	3.000

Ghi chú: Dấu (--): không quy định; KPH: không phát hiện; MDL: giới hạn phát hiện

Cán bộ QC: Dương Hoàng Thanh Thảo

P. Phòng thí nghiệm

Dương Hoàng Thanh Thảo



KT. Giám đốc

Tạ Công Uẩn

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC).
- Dấu (a): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận; Dấu (b): Chỉ tiêu thực hiện tại hiện trường; Dấu (c): Chỉ tiêu do NTP – Vimcert 292 thực hiện
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm